

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ
CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

Mã ngành: 7220201

(Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2024)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 07 năm 2024

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2068 /QĐ-ĐHNH, ngày 02 tháng 07 năm 2024
của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

- | | |
|--|---------------------------------|
| – Tên chương trình (Tiếng Việt): | TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI |
| – Tên chương trình (Tiếng Anh): | BUSINESS ENGLISH |
| – Trình độ đào tạo: | Đại học |
| – Ngành đào tạo: | NGÔN NGỮ ANH |
| – Mã ngành: | 7220201 |
| – Hình thức đào tạo: | Chính quy tập trung |
| – Chuẩn đầu vào: | Thực hiện theo đề án tuyển sinh |
| – Thời gian đào tạo (theo thiết kế): | 04 năm (08 học kỳ) |
| – Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo: | tháng 07 năm 2024 |

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – PO):

1.1. Mục tiêu chung: (PO)

Mục tiêu chương trình nhằm đào tạo cử nhân Ngành Ngôn Ngữ Anh có những phẩm chất và năng lực phù hợp triết lý giáo dục của Trường Đại học Ngân hàng là Khai phóng – Liên ngành – Trải nghiệm, có kiến thức chuyên sâu về Tiếng Anh thương mại, có khả năng sử dụng thành thạo Tiếng Anh tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, và pháp luật; có kỹ năng mềm, kỹ năng nghiên cứu và định hướng phát triển nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội; có thái độ, phẩm chất chính trị đúng đắn, có đạo đức và tác phong chuyên nghiệp; đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cho các cơ quan, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, và xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa. Người học cũng có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, phát triển kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

1.2. Mục tiêu cụ thể: (POi)

PO1. Có khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, và pháp luật để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo.

PO2. Thể hiện phẩm chất cá nhân, đạo đức trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển để thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế.

PO3. Thể hiện khả năng tư duy, sáng tạo, phản biện, cộng tác làm việc nhóm, giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp.

PO4. Có kỹ năng nghiên cứu, tổng hợp thông tin; đề xuất, lập kế hoạch, đánh giá hiệu quả công việc, và thích ứng tốt với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp.

PO5. Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng của Ngành Ngôn Ngữ Anh và kiến thức chuyên sâu về Tiếng Anh thương mại trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề chuyên môn.

2. Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs) và Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (Performance Indicator – PIn):

Người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh thuộc hệ đại học chính quy chương trình Tiếng Anh Thương mại của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh có khả năng:

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIn)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được	GHI CHÚ
PLO1		Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, và pháp luật để vận dụng vào những vấn đề cuộc sống và trong các hoạt động nghề nghiệp.	3	
	PI 1.1	Có khả năng áp dụng phù hợp kiến thức cơ bản về khoa học xã hội trong các hoạt động nghề nghiệp.	3	
	PI 1.2	Có khả năng áp dụng phù hợp kiến thức cơ bản về chính trị và pháp luật trong các hoạt động nghề nghiệp.	3	

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIs)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được	GHI CHÚ
PLO2		Có khả năng vận dụng tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	4	
	PI 2.1	Có khả năng phân tích thông tin, đánh giá các lựa chọn, và đưa ra quyết định thông qua quá trình suy luận và phản biện.	4	
	PI 2.2	Có khả năng phân tích vấn đề trong các tình huống thương mại để đề xuất các giải pháp giải quyết vấn đề.	4	
PLO3		Có năng lực làm việc theo nhóm, truyền đạt hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi và môi trường hội nhập quốc tế.	4	
	PI 3.1	Có năng lực triển khai hoàn thành hiệu quả các công việc được phân công trong nhóm để giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	4	
	PI 3.2	Có năng lực truyền đạt hiệu quả trong môi trường công việc thay đổi và môi trường hội nhập quốc tế.	4	
PLO4		Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	4	
	PI 4.1	Thể hiện tính chủ động, tích cực trong việc tổ chức và quản lý các nguồn lực cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.	4	
	PI 4.2	Thể hiện tinh thần tự học, tham gia nghiên cứu nhằm đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	4	
PLO5		Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ hành xử chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội, cộng đồng.	4	

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIs)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được	GHI CHÚ
	<i>PI 5.1</i>	Tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức trong lĩnh vực nghề nghiệp.	4	
	<i>PI 5.2</i>	Thể hiện sự chuyên nghiệp trong giao tiếp, ứng xử, và quản lý tình huống trong môi trường nghề nghiệp.	4	
	<i>PI 5.3</i>	Đóng góp và thể hiện trách nhiệm xã hội, cộng đồng và có tinh thần khởi nghiệp.	4	
PLO6		Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	4	
	<i>PI 6.1</i>	Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức liên ngành nền tảng để giải quyết các vấn đề chuyên môn.	4	
	<i>PI 6.2</i>	Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức ngôn ngữ chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	4	
PLO7		Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành.	4	
	<i>PI 7.1</i>	Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành ngôn ngữ Anh.	4	
	<i>PI 7.2</i>	Xác định các giải pháp ứng dụng trong các lĩnh vực liên ngành.	4	
PLO8		Có khả năng thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
	<i>PI 08.1</i>	Có khả năng phân tích các xu hướng hiện tại và mới nổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSDG (PIs)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được	GHI CHÚ
	PI 08.2	Có khả năng phân tích rủi ro, cơ hội liên quan đến việc thay đổi xu hướng trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
PLO9		Khả năng sử dụng Tiếng Anh tối thiểu tương đương chuẩn trình độ cao cấp bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT)	4	
PLO10		Có kiến thức công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	3	
	PI 10.1	Có khả năng vận dụng kiến thức công nghệ thông tin trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	3	
	PI 10.2	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề liên ngành.	3	
PLO11		Có khả năng nghiên cứu, tổng hợp thông tin, đề xuất, kiến nghị, lập kế hoạch, đánh giá hiệu quả công việc... khi giải quyết các vấn đề chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
	PI 11.1	Có khả năng nghiên cứu, tổng hợp thông tin liên quan đến vấn đề chuyên môn	4	
	PI 11.2	Có khả năng đưa ra đề xuất, khuyến nghị khi giải quyết các vấn đề chuyên môn.	4	
	PI 11.3	Có khả năng lập kế hoạch chuyên môn, đáp ứng yêu cầu công việc.	4	
	PI 11.4	Có khả năng đánh giá hiệu quả công việc.	4	

3. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu (POi) và Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs):

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mục tiêu của CTĐT (POi)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Mục tiêu chung:												
Mục tiêu chương trình nhằm đào tạo cử nhân Ngành Ngôn Ngữ Anh có những phẩm chất và năng lực phù hợp triết lý giáo dục của Trường Đại học Ngân hàng là Khai phóng – Liên ngành – Trải nghiệm, có kiến thức chuyên sâu về Tiếng Anh thương mại, có khả năng sử dụng thành thạo Tiếng Anh tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, và pháp luật; có kỹ năng mềm, kỹ năng nghiên cứu và định hướng phát triển nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội; có thái độ, phẩm chất chính trị đúng đắn, có đạo đức và tác phong chuyên nghiệp; đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cho các cơ quan, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, và xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa. Người học cũng có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, phát triển kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.												
Mục tiêu cụ thể:												
PO1	Có khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, và pháp luật để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo.	X					X			X	X	X
PO2	Thể hiện phẩm chất cá nhân, đạo đức trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển để thích nghi với thay đổi của				X	X		X	X			

Mục tiêu của CTĐT (POi)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế.											
PO3	Thể hiện kỹ năng tư duy, sáng tạo, phản biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp.		X	X			X	X				
PO4	Có kỹ năng nghiên cứu, tổng hợp thông tin; đề xuất, lập kế hoạch, đánh giá hiệu quả công việc, và thích ứng tốt với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp						X	X	X			X
PO5	Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng của Ngành Ngôn Ngữ Anh và kiến thức chuyên sâu về Tiếng Anh thương mại trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề chuyên môn.						X	X	X			X

Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs, PLOs và PIs.

POs	PLOs	PIs
PO1	PLO1	PI 1.1
		PI 1.2

POs	PLOs	PIs
	PLO6	<i>PI 6.1</i>
		<i>PI 6.2</i>
	PLO9	
	PLO10	<i>PI 10.1</i>
		<i>PI 10.2</i>
	PLO11	<i>PI 11.1</i>
		<i>PI 11.2</i>
		<i>PI 11.3</i>
		<i>PI 11.4</i>
PO2	PLO4	<i>PI 4.1</i>
		<i>PI 4.2</i>
	PLO5	<i>PI 5.1</i>
		<i>PI 5.2</i>
		<i>PI 5.3</i>
	PLO7	<i>PI 7.1</i>
		<i>PI 7.2</i>
	PLO8	<i>PI 8.1</i>
		<i>PI 8.2</i>
PO3	PLO2	<i>PI 2.1</i>
		<i>PI 2.2</i>
	PLO3	<i>PI 3.1</i>
		<i>PI 3.2</i>
	PLO6	<i>PI 6.1</i>

POs	PLOs	PIs
	PLO7	PI 6.2
		PI 7.1
		PI 7.2
PO4	PLO6	PI 6.1
		PI 6.2
	PLO7	PI 7.1
		PI 7.2
	PLO8	PI 8.1
		PI 8.2
	PLO11	PI 11.1
		PI 11.2
		PI 11.3
		PI 11.4
PO5	PLO6	PI 6.1
		PI 6.2
	PLO7	PI 7.1
		PI 7.2
	PLO8	PI 08.1
		PI 08.2
	PLO11	PI 11.1
		PI 11.2
		PI 11.3
		PI 11.4

4. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam:

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Kiến thức:												
KT1	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	X										X
KT2	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	X										
KT3	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.										X	
KT4	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.						X	X	X			X
KT5	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	X					X	X				X
Kỹ năng:												
KN1	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.		X	X								X
KN2	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.			X		X						
KN3	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.		X									
KN4	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.			X	X							
KN5	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc			X				X	X			

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.											
KN6	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.									X		
Mức độ tự chủ và trách nhiệm:												
TCTN1	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.			X	X							
TCTN2	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.			X			X	X	X			X
TCTN3	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.				X		X	X	X			X
TCTN4	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.				X		X	X	X			X

5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

- Người học tốt nghiệp có thể làm việc tại các tổ chức trong nước và quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, thương mại, kinh doanh, tài chính ngân hàng, v.v.
- Người học tốt nghiệp có thể làm việc ở các vị trí biên, phiên dịch viên thương mại và du lịch, trợ lý giám đốc ở các doanh nghiệp...
- Người học tốt nghiệp có thể giảng dạy Tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục sau khi đã bổ sung kiến thức nghiệp vụ và kỹ năng sư phạm.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Người học có khả năng tự học suốt đời để hoàn thiện bản thân và đáp ứng yêu cầu công việc; có thể học bổ sung một số học phần để đủ điều kiện học văn bằng thứ hai, hệ đại học, một số liên ngành như Quản trị kinh doanh và Tài chính-Ngân hàng; có thể học chương trình cao học trong nước và quốc tế về ngành Ngôn ngữ Anh, Tài chính Ngân hàng, và Quản trị kinh doanh.

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 125 đơn vị tín chỉ (đvtc), không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất (5 đvtc) và Giáo dục quốc phòng (8 đvtc). Các học phần trong CTĐT được tổ chức giảng dạy trực tiếp và trực tuyến (online) đảm bảo số tín chỉ giảng dạy trực tuyến không vượt quá 30% tổng số lượng tín chỉ toàn chương trình đào tạo.

8. Đối tượng tuyển sinh:

Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

10. Chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh:

10.1. Các trường đại học ở nước ngoài

- Chương trình đào tạo Tiếng Anh thương mại, Trường Đại học Assumption, Thái Lan.

10.2. Các trường đại học ở Việt Nam

- Chương trình đào tạo Tiếng Anh Thương Mại, Trường Đại học Ngoại thương.
- Chương trình đào tạo Tiếng Anh Thương Mại, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.

11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp giảng dạy

Nhằm giúp sinh viên đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, các phương pháp giảng dạy được áp dụng cụ thể như sau:

- Phương pháp Thuyết giảng (Lecture)
- Phương pháp Bài giảng tương tác (Interactive lecture)
- Phương pháp Thảo luận có định hướng (Directed discussion)

Phương pháp giảng dạy		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
9	Giảng dạy bằng cách học khám phá (Inquiry-based or inquiry-guided learning)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
10	Giảng dạy bằng học tập dựa vào cách giải quyết vấn đề (Problem-based learning)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
11	Giảng dạy bằng học tập dựa trên dự án (Project-based learning)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
12	Giảng dạy thông qua đóng vai (Role plays)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

11.2. Đánh giá kết quả học tập:

Điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần của sinh viên được tính theo thang điểm hệ 10, được quy đổi sang điểm chữ và thang điểm hệ 4. Việc quy đổi điểm giữa các thang điểm được thực hiện theo Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học hiện hành tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Kết cấu và nội dung chương trình:

12.1. Kết cấu chương trình đào tạo:

TT	Khối kiến thức	Số học phần			Số tín chỉ			Tỷ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn		Bắt buộc	Tự chọn		
			Bắt buộc	Tự do		Bắt buộc	Tự do	
1	Giáo dục đại cương	9	1		20	2		17.6%
2	Giáo dục chuyên nghiệp							
2.1	Cơ sở ngành	16	1		51	3		43.2%
2.2	Ngành	4	1		9	3		9.6%
2.3	Chuyên ngành	7	3		22	15		29.6%
	Tổng cộng	36	6		102	23		100%

TT	Khối kiến thức giáo dục đại cương khác	Số tín chỉ
1	Giáo dục thể chất	5
2	Giáo dục Quốc phòng an ninh	8
	Tổng cộng	13

12.2. Khung chương trình đào tạo:

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG								
		Học phần bắt buộc						
1	MLM306	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist Philosophy	3	3			-	3
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác Lênin / Marxist Leninist Political Economics	2	2			-	4
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học / Scientific Socialism	2	2			-	5
4	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh Thought	2	2			MLM306	6
5	MLM309	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam / History of Communist Party of Vietnam	2	2			MLM306	7
6	ELI308	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh / Introduction to English Language Major	2	2			-	1
7	LAW349	Pháp luật đại cương / Introduction to Law	2	2			-	2
8	ELI307	Dẫn luận ngôn ngữ học / Introduction to Linguistics	2	2			-	2

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
9	ENS347	Kỹ năng thuyết trình / <i>Presentation Skills</i>	3	3			-	1
		Học phần tự chọn: <i>Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau:</i>						
10a	SOC301	Cơ sở văn hóa Việt Nam / <i>Introduction to Vietnamese Culture</i>	2	2			-	2
10b	SOC303	Tâm lý học / <i>Psychology</i>	2	2			-	2
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
Học phần khối kiến thức cơ sở ngành								
		Học phần bắt buộc						
11	ENP706	Tiếng Anh 1 - Nghe-Nói 1/ <i>Listening Speaking 1</i>	4	4			-	1
12	ENP707	Tiếng Anh 2 - Nghe-Nói 2/ <i>Listening Speaking 2</i>	4	4			ENP706	2
13	ENP719	Tiếng Anh 3 - Nghe-Nói 3/ <i>Listening Speaking 3</i>	4	4			ENP707	3
14	ENP751	Tiếng Anh 4 - Nghe-Nói 4/ <i>Listening Speaking 4</i>	3	3			ENP719	4
15	ENS303	Tiếng Anh 1 - Đọc 1 / <i>Reading 1</i>	3	3			-	1
16	ENS307	Tiếng Anh 2 - Đọc 2 / <i>Reading 2</i>	3	3			ENS303	2
17	ENS311	Tiếng Anh 3 - Đọc 3 / <i>Reading 3</i>	3	3			ENS307	3
18	ENS315	Tiếng Anh 4 - Đọc 4 / <i>Reading 4</i>	3	3			ENS311	4

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
19	ENS304	Tiếng Anh 1 - Viết 1 / <i>Writing 1</i>	3	3			-	1
20	ENS308	Tiếng Anh 2 - Viết 2 / <i>Writing 2</i>	3	3			ENS304	2
21	ENS312	Tiếng Anh 3 - Viết 3 / <i>Writing 3</i>	3	3			ENS308	3
22	ENS316	Tiếng Anh 4 - Viết 4 / <i>Writing 4</i>	3	3			ENS312	4
23	CNL306	Tiếng Trung Quốc 1 / <i>Chinese 1</i>	3	3			-	3
24	CNL307	Tiếng Trung Quốc 2 / <i>Chinese 2</i>	3	3			CNL306	4
25	CNL308	Tiếng Trung Quốc 3 / <i>Chinese 3</i>	3	3			CNL307	5
26	CNL309	Tiếng Trung Quốc 4 / <i>Chinese 4</i>	3	3			CNL308	6
		Học phần tự chọn: <i>Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau</i>						
27a	ENB319	Thực hành viết thư tín thương mại / <i>Business Correspondence Writing</i>	3	3			ENS308	4
27b	ELI302	Phát âm / <i>Pronunciation</i>	3	3			-	4
		Học phần khối kiến thức ngành						
		Học phần bắt buộc						
28	ELI701	Ngữ âm – Âm vị học / <i>Phonetics – Phonology</i>	3	3			ENP751	4
29	ELI702	Hình thái học / <i>Morphology</i>	2	2			ELI701	5
30	ELI305	Ngữ nghĩa học / <i>Semantics</i>	2	2			ELI702	6

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
31	ELI703	Cú pháp học / <i>Syntax</i>	2	2			ELI702	6
		Học phần tự chọn: <i>Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau</i>						
32a	SOC306	Văn hóa Anh/ <i>British Culture</i>	3	3			ENS315	5
32b	SOC307	Văn hóa Mỹ / <i>American Culture</i>	3	3			ENS315	5
		Học phần khối kiến thức chuyên ngành						
		Học phần bắt buộc						
33	ENB320	Biên dịch thương mại Anh – Việt / <i>English-Vietnamese Business Translation</i>	3	3			ENS316	5
34	ENB321	Biên dịch thương mại Việt – Anh / <i>Vietnamese-English Business Translation</i>	3	3			ENB320	6
35	ENP714	Tiếng Anh kinh doanh 1 / <i>Business English 1</i>	3	3			ENS311	5
36	ENP716	Tiếng Anh kinh doanh 2 / <i>Business English 2</i>	3	3			ENP714	6
37	ENB305	Phiên dịch thương mại / <i>Business Interpretation</i>	3	3			ENB321	7
38	MER701	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Ngôn ngữ/ <i>Research Methods in Language Studies</i>	4	4			ENS316	7
39	INT307	Thực tập cuối khóa/ <i>Internship</i>	3		3		Theo quy chế	8

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
40a	REP307	Khóa luận tốt nghiệp/ <i>Graduation Thesis</i>	9		9		Theo quy chế	8
		Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp (chọn giữa thực hiện Khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế. Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp phải đáp ứng các điều kiện theo quy chế của Trường)						
40b	ENP312	Tiếng Anh chuyên ngành Luật kinh doanh / <i>English for Business Law</i>	3	3			ENP716	8
40c	ENP313	Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý nhân sự / <i>English for Human Resources</i>	3	3			ENP716	8
40d	ENP320	Tiếng Anh chuyên ngành Marketing / <i>English for Marketing</i>	3	3			ENP716	8
		Học phần tự chọn: <i>SV chọn 1 trong 2 nhóm định hướng</i>						
41a	Ngôn ngữ học	Dẫn luận văn học Anh - Mỹ / <i>Introduction to British and American Literature</i>	3	3			ENS315 ENS316	7
42a		Giao tiếp liên văn hóa trong kinh doanh / <i>Cross-cultural Communication in Business</i>	3	3			SOC306/ SOC307	7
41b	Phương pháp giảng	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1 / <i>English</i>	3	3			ENS316	7

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
	đạy tiếng Anh	Language Teaching 1						
42b		Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2 / English Language Teaching 2	3	3			EME701	7
Tổng số tín của chương trình đào tạo			125					
Tổng số tín chỉ bắt buộc			102					
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			23					

13. Kế hoạch đào tạo phân theo học kỳ:

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	1	ELI308	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh / <i>Introduction to English Language Major</i>	2	-	BB	Tiếng Anh
	2	ENS34	Kỹ năng thuyết trình / <i>Presentation Skills</i>	3	-	BB	Tiếng Anh
	3	ENS304	Tiếng Anh 1 - Viết 1 / <i>Writing 1</i>	3	-	BB	Tiếng Anh
	4	ENS303	Tiếng Anh 1 - Đọc 1 / <i>Reading 1</i>	3	-	BB	Tiếng Anh
	5	ENP706	Tiếng Anh 1 - Nghe-Nói 1/ <i>Listening Speaking 1</i>	4	-	BB	Tiếng Anh
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		15			
2	1	LAW349	Pháp luật đại cương / <i>Introduction to Law</i>	2	-	BB	Tiếng Việt
	2	ELI307	Dẫn luận ngôn ngữ học / <i>Introduction to Linguistics</i>	2	-	BB	Tiếng Việt

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
	3a	SOC301	Cơ sở văn hóa Việt Nam / <i>Introduction to Vietnamese Culture</i>	2	-	TC	Tiếng Việt
	3b	SOC303	Tâm lý học / <i>Psychology</i>	2	-	TC	Tiếng Việt
	4	ENS308	Tiếng Anh 2 - Viết 2 / <i>Writing 2</i>	3	ENS304	BB	Tiếng Anh
	5	ENS307	Tiếng Anh 2 - Đọc 2 / <i>Reading 2</i>	3	ENS303	BB	Tiếng Anh
	6	ENP707	Tiếng Anh 2 - Nghe-Nói 2/ <i>Listening Speaking 2</i>	4	ENP706	BB	Tiếng Anh
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		16			
3	1	MLM306	Triết học Mác-Lênin / <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	-	BB	Tiếng Việt
	2	CNL306	Tiếng Trung Quốc 1 / <i>Chinese 1</i>	3	-	BB	Tiếng Trung Quốc
	3	ENS312	Tiếng Anh 3 - Viết 3 / <i>Writing 3</i>	3	ENS308	BB	Tiếng Anh
	4	ENS311	Tiếng Anh 3 - Đọc 3 / <i>Reading 3</i>	3	ENS307	BB	Tiếng Anh
	5	ENP719	Tiếng Anh 3 - Nghe-Nói 3/ <i>Listening Speaking 3</i>	4	ENP707	BB	Tiếng Anh
	6a	ENB319	Thực hành viết thư tín thương mại / <i>Business Correspondence Writing</i>	3	ENS308	TC	Tiếng Anh
	6b	ELI302	Phát âm / <i>Pronunciation</i>	3	-	TC	Tiếng Anh
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		19			
4	1	MLM307	Kinh tế chính trị Mác-Lênin / <i>Marxist-Leninist Political Economics</i>	2	MLM306	BB	Tiếng Việt

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
	2	CNL307	Tiếng Trung Quốc 2 / <i>Chinese 2</i>	3	CNL306	BB	Tiếng Trung Quốc
	3	ENS 316	Tiếng Anh 4 - Viết 4 / <i>Writing 4</i>	3	ENS312	BB	Tiếng Anh
	4	ENS 315	Tiếng Anh 4 - Đọc 4 / <i>Reading 4</i>	3	ENS 315	BB	Tiếng Anh
	5	ENP751	Tiếng Anh 4 - Nghe-Nói 4/ <i>Listening Speaking 4</i>	3	ENP719	BB	Tiếng Anh
	6	ELI701	Ngữ âm – Âm vị học / <i>Phonetics – Phonology</i>	3	ENP751	BB	Tiếng Anh
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		17			
5	1	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học / <i>Scientific Socialism</i>	2	MLM307	BB	Tiếng Việt
	2	CNL308	Tiếng Trung Quốc 3 / <i>Chinese 3</i>	3	CNL307	BB	Tiếng Trung Quốc
	3a	SOC306	Văn hóa Anh / <i>British Culture</i>	3	ENS 315	TC	Tiếng Anh
	3b	SOC307	Văn hóa Mỹ / <i>American Culture</i>	3	ENS 315	TC	Tiếng Anh
	4	ENP714	Tiếng Anh kinh doanh 1 / <i>Business English 1</i>	3	ENS311	BB	Tiếng Anh
	5	ELI702	Hình thái học / <i>Morphology</i>	3	ELI701	BB	Tiếng Anh
	6	ENB320	Biên dịch thương mại Anh – Việt / <i>English-Vietnamese Business Translation</i>	3	ENS316	BB	Tiếng Anh
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		16			
6	1	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh / <i>Ho Chi Minh Thought</i>	2	MLM308	BB	Tiếng Việt
	2	CNL309	Tiếng Trung Quốc 4 / <i>Chinese 4</i>	3	CNL308	BB	Tiếng Trung Quốc
	3	ENB321	Biên dịch thương mại Việt – Anh /	3	ENB320	BB	Tiếng Anh

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
			<i>Vietnamese- English Business Translation</i>				
	4	ENP716	Tiếng Anh kinh doanh 2 / Business English 2	3	ENP714	BB	Tiếng Anh
	5	ELI703	Cú pháp học / Syntax	2	ELI702	BB	Tiếng Anh
	6	ELI305	Ngữ nghĩa học / Semantics	2	ENP705	BB	Tiếng Anh
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		15			
7	1	MLM309	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam / History of Communist Party of Vietnam	2	MLM303	BB	Tiếng Việt
	2	MER701	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Ngôn ngữ / Research Methods in Language Studies	4	ENS316	BB	Tiếng Anh
	3	ENB305	Phiên dịch thương mại / Business Interpretation	3	ENB321	BB	Tiếng Anh
	4a	SOC309	Dẫn luận văn học Anh - Mỹ / Introduction to British and American Literature	3	ENS315, ENS316	TC	Tiếng Anh
	5a	ENP175	Giao tiếp liên văn hóa trong kinh doanh / Cross-cultural Communication in Business	3	SOC306/ SOC307	TC	Tiếng Anh
	4b	EME701	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1 / English Language Teaching 1	3	ENS316	TC	Tiếng Anh
	5b	EME702	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2 / English Language Teaching 2	3	EME701	TC	Tiếng Anh
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		15			

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
8	1	INT307	Thực tập cuối khóa/ <i>Internship</i>	3	Theo quy chế	BB	Tiếng Anh
	2a	REP307	Khóa luận tốt nghiệp/ <i>Graduation Thesis</i>	9	Theo quy chế	TC	Tiếng Anh
	2b	ENP312	Tiếng Anh chuyên ngành Luật kinh doanh <i>/ English for Business Law</i>	3	ENS311	TC	Tiếng Anh
		ENP313	Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý nhân sự <i>/ English for Human Resources</i>	3	ENS311	TC	Tiếng Anh
		ENP320	Tiếng Anh chuyên ngành Marketing / <i>English for Marketing</i>	3	ENS311	TC	Tiếng Anh
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		12			

15. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

PHÂN BỐ PLO															
TT	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Khoa/ Bộ môn quản lý	Ghi chú (Môn mới)	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
KHỐI GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG															
Học phần bắt buộc															
1	Triết học Mác Lênin / Marxist-Leninist Philosophy	3	LLCT		2				2	2					
2	Kinh tế chính trị Mác Lênin / Marxist Leninist Political Economics	2	LLCT		2				2	2					
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học / Scientific Socialism	2	LLCT		2				2	2					
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh Thought	2	LLCT		2				2	2					

TT	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Khoa/ Bộ môn quản lý	Ghi chú (Môn mới)	PHÂN BỐ PLO										
					PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam / <i>History of Communist Party of Vietnam</i>	2	LLCT		2			2	2						
6	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh / <i>Introduction to English Language Major</i>	2	NN				2	2							
7	Pháp luật đại cương / <i>Introduction to Law</i>	2	LKT		2		2		2						
8	Dẫn luận ngôn ngữ học / <i>Introduction to Linguistics</i>	2	NN			2	2	3							
9	Kỹ năng thuyết trình /	3	NN			2	3	1							

TT	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Khoa/ Bộ môn quản lý	Ghi chú (Môn mới)	PHÂN BỐ PLO										
					PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
	Presentation Skills														
	Học phần tự chọn: Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần sau														
10a	Cơ sở văn hóa Việt Nam / Introduction to Vietnamese Culture	2	LLCT		2				2	2					
10b	Tâm lý học / Psychology	2	LLCT		2				2	2					
	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP														
	Học phần khối kiến thức cơ sở ngành														
	Học phần bắt buộc														
11	Tiếng Anh 1 - Nghe-Nói 1/ Listening Speaking 1	4	NN					2	1					3	
12	Tiếng Anh 2 - Nghe-Nói 2/	4	NN					3	1					3	

TT	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Khoa/ Bộ môn quản lý	Ghi chú (Môn mới)	PHÂN BỐ PLO										
					PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
	<i>Listening Speaking 2</i>														
13	Tiếng Anh 3 - Nghe-Nói 3/ <i>Listening Speaking 3</i>	4	NN				3	1					4		
14	Tiếng Anh 4 - Nghe-Nói 4/ <i>Listening Speaking 4</i>	3	NN	x			4	1					5		
15	Tiếng Anh 1 - Đọc 1 / <i>Reading 1</i>	3	NN					1		2			3		
16	Tiếng Anh 2 - Đọc 2 / <i>Reading 2</i>	3	NN					1		3			3		
17	Tiếng Anh 3 - Đọc 3 / <i>Reading 3</i>	3	NN					1		3			4		
18	Tiếng Anh 4 - Đọc 4 / <i>Reading 4</i>	3	NN					1		4			5		

TT	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Khoa/ Bộ môn quản lý	Ghi chú (Môn mới)	PHÂN BỐ PLO										
					PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
19	Tiếng Anh 1 - Viết 1 / <i>Writing 1</i>	3	NN				2	1					3		
20	Tiếng Anh 2 - Viết 2 / <i>Writing 2</i>	3	NN				3	1					3		
21	Tiếng Anh 3 - Viết 3 / <i>Writing 3</i>	3	NN				3	1					4		
22	Tiếng Anh 4 - Viết 4 / <i>Writing 4</i>	3	NN				4	1					5		
23	Tiếng Trung Quốc 1 / <i>Chinese 1</i>	3	NN			1	3	1							
24	Tiếng Trung Quốc 2 / <i>Chinese 2</i>	3	NN			2	3	1							
25	Tiếng Trung Quốc 3 / <i>Chinese 3</i>	3	NN			3	3	1							

TT	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Khoa/ Bộ môn quản lý	Ghi chú (Môn mới)	PHÂN BỐ PLO											
					PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	
26	Tiếng Trung Quốc 4 / Chinese 4	3	NN			3	3	1								
Học phần tự chọn: Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau																
27a	Thực hành viết thư tín thương mại / Business Correspondence Writing	3	NN			3	3				3					
27b	Phát âm / Pronunciation	3	NN				2	1				3				
Học phần khối kiến thức ngành																
Học phần bắt buộc																
28	Ngữ âm – Âm vị học / Phonetics – Phonology	3	NN	x		2		3				3				
29	Hình thái học / Morphology	2	NN	x		3		3				3				

TT	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Khoa/ Bộ môn quản lý	Ghi chú (Môn mới)	PHÂN BỐ PLO										
					PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
30	Ngữ nghĩa học / Semantics	2	NN			3		3		4					
31	Cú pháp học / Morphology	2	NN	x		3		3		3					
Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau:															
32a	Văn hóa Anh / British Culture	3	NN			3				3	4				
32b	Văn hóa Mỹ / American Culture	3	NN			3				3	4				
Học phần khối kiến thức chuyên ngành															
Học phần bắt buộc															
33	Biên dịch thương mại Anh – Việt / English- Vietnamese Business Translation	3	NN			3				4	4				

TT	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Khoa/ Bộ môn quản lý	Ghi chú (Môn mới)	PHÂN BỐ PLO										
					PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
34	Biên dịch thương mại Việt – Anh / Vietnamese-English Business Translation	3	NN			3				4	4				
35	Tiếng Anh kinh doanh 1 / Business English 1	3	NN			3	3			3					
36	Tiếng Anh kinh doanh 2 / Business English 2	3	NN			4	4			4					
37	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Ngôn ngữ / Research Methods in	4	NN	x		3	4								4

PHÂN BỐ PLO														
TT	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Khoa/ Bộ môn quản lý	Ghi chú (Môn mới)										
					PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
	Language Studies													
38	Phiên dịch thương mại / Business Interpretation	3	NN			4	4						4	
39	Thực tập cuối khóa/ Internship	3	NN						4	4				5
40a	Khóa luận tốt nghiệp/ Graduation Thesis	9	NN			4		4						5
	Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp													
40b	Tiếng Anh chuyên ngành Luật kinh doanh / English for Business Law	3	NN			4	4			4				

TT	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Khoa/ Bộ môn quản lý	Ghi chú (Môn mới)	PHÂN BỐ PLO										
					PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
40c	Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý nhân sự / <i>English for Human Resources</i>	3	NN			4	4					4			
40d	Tiếng Anh chuyên ngành Marketing / <i>English for Marketing</i>	3	NN			4	4					4			
Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 nhóm định hướng)															
41a	Dẫn luận văn học Anh - Mỹ / <i>Introduction to British and American Literature</i>	3	NN			4		4		3					
42a	Giao tiếp liên văn hóa trong kinh doanh / <i>Cross-cultural</i>	3	NN			3				4	4				

TT	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Khoa/ Bộ môn quản lý	Ghi chú (Môn mới)	PHÂN BỐ PLO										
					PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
	<i>Communication in Business</i>														
41b	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1 / English Language Teaching 1	3	NN	x		4				4					4
42b	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2 / English Language Teaching 2	3	NN	x		4				4				4	

16. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt / Tiếng Anh)	Mô tả
Kiến thức giáo dục đại cương			
Kiến thức bắt buộc			
		Giáo dục thể chất 1 <i>/ Physical Education 1</i>	Đây là môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Điền kinh là một môn thể thao bao gồm các nội dung đi bộ, chạy, nhảy, ném đẩy và nhiều môn phối hợp; là một trong những môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao ở nước ta. Đồng thời, đây là môn học bắt buộc đối với sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và hệ thống các cấp học ở bậc Phổ thông. Môn học trang bị và hình thành trên cơ sở khoa học chung về sự hình thành và phát triển các hoạt động cho người học, trong đó có tính tới các đặc điểm riêng (giới tính, lứa tuổi, tình trạng sức khỏe, trình độ chuẩn bị về thể lực, đặc điểm tâm lý, ...); Trong quá trình tham gia học phần, giảng viên lập kế hoạch huấn luyện hướng tới sự phát triển kỹ năng, kỹ xảo vận động, các tố chất thể lực và các phẩm chất đạo đức, phẩm chất ý chí theo hướng có chủ đích. Đồng thời, trang bị những kiến thức có liên quan đến môn học về phương pháp giúp người học có thể tự phòng tránh chấn thương; tự xây dựng kế hoạch tập luyện cho bản thân và có thể hướng dẫn cho người khác tập luyện; biết cách vượt qua những khó khăn trong học tập cũng như trong cuộc sống; rèn luyện cho người học ý thức, thái độ học tập đúng đắn, đảm bảo tính kỷ luật trong học tập và cuộc sống.
		Giáo dục thể chất 2 <i>/ Physical Education 2</i>	Đây là môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Thể dục thể thao (TDTT) là một trong những lĩnh vực khoa học gắn liền với đời sống con người. Tập luyện TDTT không những có thể làm cho con người tăng cường sức khỏe, phát triển cân đối toàn diện về trí tuệ, nhân cách, phẩm chất đạo đức, mà còn phát triển toàn diện các tố chất thể lực. Có sức khỏe để nâng cao

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt / Tiếng Anh)	Mô tả
			năng suất lao động, trí sáng tạo và xã hội ngày càng phát triển. Ngoài ra, TDTT còn có ý nghĩa về mặt chính trị như thúc đẩy các mối quan hệ Quốc tế, kết nối cả dân tộc trên thế giới với nhau cùng sống trong hòa bình hữu nghị. Điền kinh là môn thể thao có nguồn gốc lịch sử rất lâu đời, nó ra đời cùng với sự phát triển của loài người. Điền kinh là môn thể thao phong phú, đa dạng gồm nhiều nội dung như: chạy, nhảy, ném, đẩy, ...tập luyện. Điền kinh không đòi hỏi phức tạp về sân bãi, dụng cụ...nên nó trở thành môn thể thao được ưa chuộng, phổ biến rộng rãi trên thế giới. Và là một trong những môn học cơ bản và quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao ở nước ta. Đồng thời nó là môn học chủ yếu đối với sinh viên các trường Cao đẳng, Đại học chuyên và không chuyên. Do tính đa dạng và phức tạp của kỹ thuật các môn Điền kinh, nên việc hình thành các phương pháp giảng dạy thường được dựa trên đặc điểm tự nhiên của con người, trong đó đặc điểm quan trọng là những quy luật hình thành khả năng phối hợp vận động và định hình động tác cho người học trong quá trình giảng dạy. Chỉ riêng nội dung chạy cũng có nhiều cự ly và kỹ thuật khác nhau.
		Giáo dục thể chất 3 <i>/ Physical Education 3</i>	Sinh viên có thể lựa chọn học một trong các môn học sau đây: bóng chuyền 1, bóng đá 1, Karate 1, quần vợt 1, bóng bàn 1, cầu lông 1.
		Giáo dục thể chất 4 <i>/ Physical education 4</i>	Sinh viên có thể lựa chọn học một trong các môn học sau đây: bóng chuyền 2, bóng đá 2, Karate 2, quần vợt 2, bóng bàn 2, cầu lông 2.
		Giáo dục thể chất 5 <i>/ Physical Education 5</i>	Sinh viên có thể lựa chọn học một trong các môn học sau đây: bóng chuyền 3, bóng đá 3, Karate 3, quần vợt 3, bóng bàn 3, cầu lông 3.
		Giáo dục quốc phòng – an ninh / <i>Military Training</i>	Sinh viên nắm vững các kiến thức, kỹ năng về Đường lối quốc phòng và an ninh; Công tác quốc phòng và an ninh; Quân sự chung; Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt / Tiếng Anh)	Mô tả
1	MLM306	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist Philosophy	Triết học Mác – Lênin là môn học thuộc giai đoạn đại cương, cung cấp kiến thức chung nhằm trang bị thể giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học. Môn học giúp người học xác định đúng vai trò, vị trí của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hoá và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi người học tốt nghiệp.
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác Lênin / Marxist Leninist Political Economics	Kinh tế chính trị Mác – Lênin là môn học thuộc giai đoạn đại cương nghiên cứu các quan hệ xã hội của con người trong quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Thông qua đó, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra các quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội.
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học / Scientific Socialism	Chủ nghĩa xã hội khoa học là môn học thuộc giai đoạn đại cương nghiên cứu những quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.
4	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh Thought	Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học thuộc giai đoạn đại cương, bao gồm 6 chương, cung cấp các kiến thức cốt lõi về: Quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản trong cách mạng Việt Nam, Qua môn học này sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của cách mạng Việt Nam; nâng cao được trách nhiệm của bản thân

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt / Tiếng Anh)	Mô tả
			trong việc học tập, rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.
5	MLM309	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam / <i>History of Communist Party of Vietnam</i>	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học thuộc giai đoạn đại cương, bao gồm 4 chương, cung cấp các kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng; quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng trong các giai đoạn; thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng, nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.
6	ELI308	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh / <i>Introduction to English Language Major</i>	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Anh là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương. Môn học giới thiệu, cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về trường Đại học Ngân hàng Tp Hồ Chí Minh, Khoa Ngoại ngữ; hiểu biết về ngành ngôn ngữ Anh và cơ hội nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp; CTĐT chuyên ngành tiếng Anh thương mại; cung cấp kiến thức về những kỹ năng học tập hiệu quả để sinh viên làm quen, thích nghi và hòa nhập tốt với môi trường học tập ở bậc đại học. Môn học này còn giúp sinh viên biết cách lập kế hoạch cá nhân, khai thác các nguồn lực học tập để học tập đạt hiệu quả.
7	LAW349	Pháp luật đại cương / <i>Introduction to Law</i>	Môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, bao gồm: - Lý luận cơ bản về nhà nước và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. - Lý luận cơ bản về pháp luật, cơ chế điều chỉnh pháp luật liên quan đến quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý. - Nội dung một số lĩnh vực pháp luật: Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Lao động, Pháp luật Tố tụng (hình sự, dân sự, hành chính), pháp luật quyền con người và phòng chống tham nhũng. Khi học xong môn học, người học có thể hiểu được hành vi thực hiện pháp luật, vi phạm pháp

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt / Tiếng Anh)	Mô tả
			luật và nội dung cơ bản một số lĩnh vực pháp luật để từ đó có thể vận dụng pháp luật và thực hiện hoạt động nghề nghiệp với tinh thần trách nhiệm và ý thức tuân thủ pháp luật, từ đó góp phần kiến tạo, bảo vệ công lý; vận dụng quy định pháp luật để bảo vệ mình và cho người khác trên cơ sở thượng tôn pháp luật.
8	ELI307	Dẫn luận ngôn ngữ học / Introduction to Linguistics	Đây là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Nội dung môn học gồm 5 phần. Phần 1- Đại cương về Ngôn ngữ và ngôn ngữ học; phần 2- Ngữ âm học; phần 3- Từ vựng học; phần 4- Ngữ pháp học; phần 5- Ngữ nghĩa học. Học phần trang bị cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về ngôn ngữ học làm cơ sở cho việc nghiên cứu chuyên sâu về ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ hiệu quả hơn trong học tập và thực tiễn công việc. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên tích lũy được kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng bản thể và nguồn gốc của ngôn ngữ, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy, ... cũng như kiến thức nền tảng về các bình diện ngôn ngữ học như ngữ âm học, từ vựng học, ngữ pháp học, và ngữ nghĩa học.
9	ENS347	Kỹ năng thuyết trình / Presentation Skills	Đây là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh. Sau khi học xong học phần này, sinh viên được trang bị các kiến thức về nguyên tắc trong thuyết trình như tính thời gian, phân tích khán giả, chuẩn bị nội dung cấu trúc phù hợp, chuyển từ phần này sang phần khác, kỹ năng xử lý câu hỏi của khán giả và thực hành áp dụng vào bài thuyết trình.
Học phần tự chọn: Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần sau			
10a	MLM301	Cơ sở văn hóa Việt Nam / Introduction to Vietnamese Culture	Cơ sở văn hóa Việt Nam là môn học thuộc giai đoạn đại cương, cung cấp cho sinh viên hai khối kiến thức cơ bản: phần thứ nhất cung cấp những tiền đề lý luận chung về văn hóa và văn hóa học; phần thứ hai cung cấp các kiến thức cơ bản, hệ thống về văn hóa Việt Nam. Môn học có ý nghĩa thiết thực về khoa học và hoạt động thực tiễn,

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt / Tiếng Anh)	Mô tả
			giúp bổ sung những vấn đề lý thuyết và phương pháp tiếp cận nghiên cứu văn hóa Việt Nam.
10b	SOC303	Tâm lý học / <i>Psychology</i>	Tâm lý học là môn khoa học xã hội học thuộc giai đoạn đại cương, nghiên cứu các hiện tượng tinh thần của con người như: bản chất tâm lý người, các hiện tượng tâm lý người, sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức, các quá trình nhận thức, đời sống tình cảm và ý chí, nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách của con người.
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			
Học phần khối kiến thức cơ sở ngành			
Học phần bắt buộc			
11	ENP706	Tiếng Anh 1 - Nghe-Nói 1 / <i>Listening Speaking 1</i>	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm môn học cơ sở ngành, được thiết kế nhằm luyện tập cho sinh viên kỹ năng nghe, nói ở Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN). Nội dung của môn học gồm 5 đơn vị bài học bắt buộc và 5 đơn vị bài mở rộng, được chọn lọc từ tài liệu học tập chính và tài liệu tham khảo. Thông qua các bài luyện nghe có độ dài ngắn, với nội dung và thể loại đa dạng, sinh viên có thể làm quen với nhiều tình huống nghe khác nhau, tích lũy vốn từ vựng tiếng Anh cần thiết cho môi trường giao tiếp và học thuật cùng với các thuật ngữ tiếng Anh thương mại trong mỗi đơn vị bài học. Đồng thời, sinh viên được hướng dẫn và tạo điều kiện sử dụng tiếng Anh để tự giới thiệu bản thân, phát biểu ý kiến cá nhân về các chủ đề thường gặp, vận dụng các mẫu câu được học vào các tình huống đối thoại ngắn và thông dụng.
12	ENP707	Tiếng Anh 2 - Nghe-Nói 2 / <i>Listening Speaking 2</i>	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm môn học cơ sở ngành, được thiết kế nhằm luyện tập cho sinh viên kỹ năng nghe, nói ở Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN). Môn học cung cấp cho sinh viên các kỹ năng nghe hiểu những thông tin đơn giản, được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt / Tiếng Anh)	Mô tả
			các chủ đề như xã hội học, tâm lý, khoa học dinh dưỡng, kinh tế và marketing cùng với các thuật ngữ tiếng Anh thương mại trong mỗi đơn vị bài học. Đồng thời, môn học cũng cung cấp cho sinh viên ngữ liệu cần thiết như các chủ điểm ngữ pháp, phát âm và giới thiệu mẫu câu mang tính chức năng để có thể giao tiếp tương đối tự tin thông qua đa dạng các hoạt động như thảo luận nhóm, đối thoại, thuyết trình.
13	ENP719	Tiếng Anh 3 - Nghe-Nói 3 / <i>Listening Speaking 3</i>	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm môn học cơ sở ngành, được thiết kế nhằm luyện tập cho sinh viên kỹ năng nghe, nói ở Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN). Môn học cung cấp cho sinh viên các kỹ năng nghe hiểu ý chính và chi tiết của các bài nói phức tạp được truyền đạt bằng ngôn ngữ chuẩn mực về các chủ đề như giáo dục, tâm lý, khoa học hành vi, nhân chủng học và kinh tế cùng với các thuật ngữ tiếng Anh thương mại trong mỗi đơn vị bài học. Đồng thời, môn học cũng cung cấp cho sinh viên ngữ liệu cần thiết như các chủ điểm ngữ pháp, phát âm và giới thiệu mẫu câu mang tính chức năng để giao tiếp với ngôn từ trôi chảy, chính xác thông qua đa dạng các hoạt động như thảo luận nhóm, đối thoại, thuyết trình.
14	ENP751	Tiếng Anh 4 - Nghe-Nói 4 / <i>Listening Speaking 4</i>	Môn Tiếng Anh Nghe-Nói 4 là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành với các chủ đề tiếng Anh tổng quát và thương mại. Môn học này tập trung vào việc phát triển khả năng nghe và nói ở mức độ bậc 5/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN). Sinh viên sẽ được trau dồi kỹ năng lắng nghe chính xác thông tin từ các nguồn phức tạp và tham gia vào các cuộc thảo luận, đối thoại, và thuyết trình với sự tự tin và lưu loát, chuẩn bị cho giao tiếp chuyên nghiệp. Sinh viên sẽ được học cách sử dụng ngữ pháp và từ vựng một cách chính xác, phát âm rõ ràng và giao tiếp một cách tự tin trong môi trường quốc tế.

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt / Tiếng Anh)	Mô tả
15	ENS303	Tiếng Anh 1 - Đọc 1 / Reading 1	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm học phần cơ sở ngành. Môn học gồm 8 chương, được thiết kế nhằm mục đích: i) cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng tiếng Anh tổng quát và từ vựng tiếng Anh thương mại; ii) trang bị cho sinh viên kiến thức về kỹ năng đọc hiểu; iii) tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc hiểu. Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể sử dụng chính xác từ vựng phù hợp với ngữ cảnh để giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến văn bản ở trình độ tiền trung cấp, có khả năng hiểu các ý chính của một văn bản hoặc bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng ở trình độ trình độ tiền trung cấp, thể hiện tính chuyên cần trong học tập, nghiên cứu đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.
16	ENS307	Tiếng Anh 2 - Đọc 2 / Reading 2	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm học phần cơ sở ngành. Môn học gồm 8 chương, được thiết kế nhằm mục đích: i) cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng tiếng Anh tổng quát và từ vựng tiếng Anh thương mại; ii) trang bị cho sinh viên kiến thức về kỹ năng đọc hiểu; iii) tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc hiểu. Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể sử dụng chính xác từ vựng trong ngữ cảnh để giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến văn bản ở trình độ trung cấp, có khả năng hiểu các ý chính của một văn bản hoặc bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng ở trình độ trung cấp, có khả năng thể hiện tính chuyên cần trong học tập, nghiên cứu đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.
17	ENS311	Tiếng Anh 3 - Đọc 3 / Reading 3	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm học phần cơ sở ngành. Môn học gồm 5 chương, được thiết kế nhằm mục đích: i) cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng tiếng Anh tổng quát và kinh doanh thương mại; ii) trang bị cho sinh viên kiến thức về kỹ năng đọc hiểu; iii) tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc hiểu. Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể sử dụng chính xác từ vựng phù hợp với ngữ cảnh để giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến văn bản ở trình độ trung cấp (bậc 4/6), có

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt / Tiếng Anh)	Mô tả
			khả năng lựa chọn chính xác cách hiểu một văn bản ở trình độ trung cấp (bậc 4/6), có khả năng thể hiện tính chuyên cần trong học tập đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.
18	ENS 315	Tiếng Anh 4 - Đọc <i>4 / Reading 4</i>	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm học phần cơ sở ngành. Môn học gồm 5 chương, được thiết kế nhằm mục đích: i) cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng tiếng Anh tổng quát và kinh doanh thương mại; ii) trang bị cho sinh viên kiến thức về kỹ năng đọc hiểu; iii) tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng đọc hiểu. Sau khi học xong môn học này, sinh viên có thể sử dụng chính xác từ vựng phù hợp với ngữ cảnh để giải quyết các vấn đề chuyên môn liên quan đến văn bản ở trình độ cao cấp (bậc 5/6), có khả năng lựa chọn chính xác cách hiểu một văn bản ở trình độ cao cấp (bậc 5/6), có khả năng thể hiện tính chuyên cần trong học tập đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.
19	ENS304	Tiếng Anh 1 - Viết <i>1 / Writing 1</i>	Đây là môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về thành phần cơ bản cấu tạo nên câu, cách thức sắp xếp, triển khai ý trong câu sao cho chặt chẽ, hợp lý; hướng dẫn sinh viên kỹ năng viết câu bằng tiếng Anh, diễn đạt tốt ý tưởng dựa trên việc sử dụng đúng từ vựng và ngữ pháp. Sinh viên được trau dồi kỹ năng viết và làm việc theo nhóm thông qua nhiều chủ đề thương mại và học thuật khác nhau. Từ đó, khả năng viết câu nói riêng và khả năng viết nói chung của sinh viên được củng cố và phát triển, tạo nền tảng cho các học phần Viết tiếp. Sau học phần này, kỹ năng viết của sinh viên có thể đạt được bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
20	ENS308	Tiếng Anh 2 - Viết <i>2 / Writing 2</i>	Đây là môn bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức về các yếu tố cần thiết của một đoạn văn (ngữ pháp và từ vựng cơ bản, từ vựng tiếng Anh thương mại) cũng như cách thức phát triển ý sao cho chặt chẽ, hợp lý và có tính thuyết phục cao; tạo nền tảng vững chắc cho các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt / Tiếng Anh)	Mô tả
			Viết tiếp theo. Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên có khả năng viết một đoạn văn học thuật với độ dài khoảng 120- 200 từ về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hoặc chủ đề thương mại quen thuộc ở trình độ trung cấp (bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).
21	ENS312	Tiếng Anh 3 - Viết 3 / Writing 3	Đây là môn bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học này cung cấp cho sinh viên các kiến thức để có thể miêu tả hiệu quả các dạng thông tin (thương mại cũng như thông tin chung) bằng hình ảnh như biểu đồ đường, biểu đồ cột, bảng biểu, biểu đồ tròn và bản đồ. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được củng cố kiến thức viết đoạn văn trên nền tảng nâng cao cấp độ từ vựng và ngữ pháp, hướng tới hoàn thành viết một bài luận hoàn chỉnh. Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên có khả năng viết một đoạn văn về chủ đề học thuật hoặc thương mại với độ dài khoảng 200- 300 từ ở trình độ trung cấp (bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).
22	ENS316	Tiếng Anh 4 - Viết 4 / Writing 4	Đây là môn học bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên kỹ năng viết một bài luận gồm 4 đoạn cơ bản. Sinh viên sẽ được hướng dẫn chi tiết cấu trúc một bài luận, cách tạo dàn ý và cách viết các đoạn mở bài, thân bài, và kết luận. Sinh viên còn được rèn luyện kỹ năng phát triển ý trong mỗi đoạn sao cho ý diễn đạt chặt chẽ, hợp lý và có tính thuyết phục. Sinh viên được tạo điều kiện để có thể thực hành viết các bài luận thuộc nhiều thể loại khác nhau như phân tích quy trình, so sánh, nêu nguyên nhân - kết quả ở những chủ đề thuộc tiếng Anh tổng quát và tiếng Anh thương mại. Sau học phần này, năng lực viết tiếng Anh có thể đạt được trình độ cao cấp (bậc 5/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).
23	CNL306	Tiếng Trung Quốc 1 / Chinese 1	Môn học hướng dẫn người học cách thức phát âm tiếng Trung Quốc (phụ âm, nguyên âm, thanh điệu, biên điệu); hướng dẫn người học

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt / Tiếng Anh)	Mô tả
			cách thức viết các nét của chữ Hán, xác định bộ và kết cấu của chữ Hán, quy tắc bút thuận của chữ Hán; trang bị cho người học những kiến thức ngữ pháp tiếng Trung Quốc cơ bản. Sau khi học xong môn học này, người học có thể sử dụng tiếng Trung Quốc để giao tiếp trong một số tình huống cơ bản (như chào hỏi, hỏi tên, hỏi tuổi, hỏi thời gian, hỏi giá tiền...), tích lũy được khoảng 150 từ và các điểm ngữ pháp thuộc cấp độ 1 của chuẩn năng lực tiếng Trung Quốc HSK.
24	CNL307	Tiếng Trung Quốc 2 / Chinese 2	Môn học trang bị cho người học các kiến thức về bộ và kết cấu của một số chữ Hán xuất hiện trong chương trình, cung cấp từ vựng và những kiến thức ngữ pháp tiếng Trung Quốc ở giai đoạn sơ cấp. Sau khi học xong môn học này, người học có thể sử dụng tiếng Trung Quốc để giao tiếp trong một số tình huống của đời sống thường nhật (như hỏi về nơi ở, so sánh hơn, nói về những việc đã từng thực hiện trong quá khứ, đưa ra lời khuyên...), tích lũy được khoảng 150 từ và các điểm ngữ pháp thuộc cấp độ 2 của chuẩn năng lực tiếng Trung Quốc HSK.
25	CNL308	Tiếng Trung Quốc 3 / Chinese 3	Môn học trang bị cho người học các kiến thức về bộ và kết cấu của một số chữ Hán xuất hiện trong chương trình, cung cấp từ vựng và những kiến thức ngữ pháp tiếng Trung Quốc ở giai đoạn tiền trung cấp. Sau khi học xong môn học này, người học có thể sử dụng tiếng Trung Quốc để giao tiếp trong một số tình huống của đời sống thường nhật, với các điểm ngữ pháp như phủ định hoàn toàn một vấn đề, các hành động xảy ra liên tiếp, câu hỏi phản vấn..., tích lũy được khoảng 150 từ thuộc cấp độ 3 của chuẩn năng lực tiếng Trung Quốc HSK.
26	CNL309	Tiếng Trung Quốc 4 / Chinese 4	Môn học trang bị cho người học các kiến thức về bộ và kết cấu của một số chữ Hán xuất hiện trong chương trình, cung cấp từ vựng và những kiến thức ngữ pháp tiếng Trung Quốc ở giai đoạn trung cấp. Sau khi học xong môn học này, người học có thể sử dụng tiếng Trung Quốc để giao tiếp trong một số tình huống của đời sống thường nhật, với các điểm ngữ pháp như bỏ ngữ

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt / Tiếng Anh)	Mô tả
			chỉ hướng kép, các loại câu đặc biệt trong tiếng Trung Quốc..., tích lũy được thêm khoảng 150 từ thuộc cấp độ 3 của chuẩn năng lực tiếng Trung Quốc HSK.
Học phần tự chọn: Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau			
27a	ENB319	Thực hành viết thư tín thương mại / <i>Business Correspondence Writing</i>	Đây là môn học tự chọn cơ sở ngành, bao gồm 4 chương nội dung Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng viết cần thiết trong lĩnh vực thư tín thương mại: kỹ thuật viết thư từ giao dịch thương mại thuộc nhiều thể loại khác nhau. Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho sinh viên cách xử lý các văn bản giao dịch thương mại thông thường.
27b	ELI302	Phát âm / <i>Pronunciation</i>	Đây là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện kỹ năng phát âm, bao gồm các vấn đề có liên quan đến âm tiết, trọng âm, ngữ điệu, góp phần cải thiện kỹ năng nghe và nói trong thực tiễn giao tiếp. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên nắm được các ký hiệu phiên âm quốc tế, hỗ trợ cho việc sử dụng từ điển trong quá trình tự học và rèn luyện.
Học phần khối kiến thức ngành			
Học phần bắt buộc			
28	ELI701	Ngữ âm – Âm vị học / Phonetics – Phonology	Đây là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, gồm 09 chương nội dung. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết ngữ âm học cấu âm và các quy tắc âm vị học bao gồm xác định và mô tả các đặc điểm âm thanh và tổ chức lời nói trong tiếng Anh để sinh viên có thể ứng dụng trong các hoạt động giao tiếp tiếng Anh, đồng thời tạo cơ sở để sinh viên có thể tiếp tục học những môn lý thuyết liên quan đến ngôn ngữ học tiếng Anh nói riêng và ngôn ngữ học nói chung sau này.

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt / Tiếng Anh)	Mô tả
29	ELI702	Hình thái học / <i>Morphology</i>	Đây là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh gồm 05 chương nội dung. Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức lí thuyết nền tảng về Hình thái học gồm các khái niệm và nguyên tắc cơ bản trong việc tạo lập từ tiếng Anh để sinh viên có thể áp dụng trong việc giải thích các đặc điểm cấu trúc hình thái của từ, chức năng của các thành tố, giúp sinh viên nâng cao vốn từ vựng cho bản thân để có thể tiếp tục học các môn liên quan đến ngôn ngữ sau này.
30	ELI305	Ngữ nghĩa học / <i>Semantics</i>	Đây là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành, bao gồm 3 chương nội dung. Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về Ngữ nghĩa học bao gồm kiến thức về nghĩa, mối quan hệ về nghĩa, phương pháp phân tích các thành tố nghĩa, giải thích các hiện tượng về nghĩa (đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm,...) và logic. Từ đó, sinh viên biết sử dụng ngôn ngữ hiệu quả với độ tường minh, chính xác và logic cao.
31	ELI703	Cú pháp học / <i>Syntax</i>	Đây là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh gồm 06 chương nội dung. Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức lí thuyết nền tảng về Cú pháp học trong tiếng Anh như các cấu trúc ngữ, mệnh đề và câu, giúp sinh viên nắm được cách sử dụng các thuật ngữ để phân tích cú pháp. Qua đó, sinh viên có thể xử lý được các vấn đề trong tiếng Anh ở cấp độ câu để có thể tiếp tục học các môn liên quan đến ngôn ngữ sau này.
Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau:			
32a	SOC306	Văn hóa Anh/ <i>British Culture</i>	Đây là môn tự chọn thuộc khối kiến thức ngành. Môn học được thiết kế gồm 08 chương, nhằm giới thiệu một số nét đặc trưng văn hóa của Vương quốc Anh (hay nước Anh) về lịch sử, địa lý, bản sắc, giáo dục, chính trị, kinh tế, xã hội và các khía cạnh khác của đời sống. Dựa vào những kiến thức nền tảng này, sinh viên có khả năng giải thích, so sánh và đối chiếu một số nét

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt / Tiếng Anh)	Mô tả
			khác biệt về văn hóa Anh và văn hóa Việt Nam. Sinh viên hình thành thái độ cư xử phù hợp, tôn trọng các giá trị văn hóa, sự khác biệt về văn hóa của người Anh nói riêng và các dân tộc khác trên thế giới nói chung.
32b	SOC307	Văn hóa Mỹ / <i>American Culture</i>	Môn học này là môn tự chọn, thuộc khối kiến thức ngành. Môn học được thiết kế gồm 08 chương, nhằm giới thiệu một số nét đặc trưng văn hóa của nước Mỹ về lịch sử, địa lý, bản sắc, giáo dục, chính trị, kinh tế, xã hội và các khía cạnh khác của đời sống. Dựa vào những kiến thức nền tảng này, sinh viên có khả năng giải thích, so sánh và đối chiếu một số nét khác biệt về văn hóa Mỹ và văn hóa Việt Nam. Sinh viên hình thành thái độ cư xử phù hợp, tôn trọng các giá trị văn hóa và sự khác biệt về lối sống, tư tưởng của người Mỹ nói riêng và của các dân tộc khác trên thế giới nói chung.
Học phần khối kiến thức chuyên ngành			
Học phần bắt buộc			
33	ENB320	Biên dịch thương mại Anh – Việt / <i>English - Vietnamese Business Translation</i>	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành, bao gồm 7 chương nội dung. Môn học giúp sinh viên nắm bắt quy trình dịch thuật, phương pháp, kỹ thuật biên dịch khác nhau và áp dụng những kiến thức này để biên dịch các văn bản thuộc lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, thương mại. Sinh viên có cơ hội vận dụng kỹ năng và kiến thức biên dịch để thực hành biên dịch văn bản trong các tình huống mô phỏng .
34	ENB321	Biên dịch thương mại Việt – Anh / <i>Vietnamese - English Business Translation</i>	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm môn chuyên ngành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, bao gồm 05 chương nội dung. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về ngành phiên dịch (dịch nói), bao gồm các loại hình phiên dịch phổ biến cùng những nguyên tắc và kỹ thuật phiên dịch căn bản. Sinh viên có nhiều cơ hội luyện tập sử dụng ngôn ngữ trong lĩnh vực kinh tế - thương mại, chọn lọc và xử lý

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt / Tiếng Anh)	Mô tả
			ngôn từ trong các tình huống phiên dịch cụ thể bằng tiếng Anh và tiếng Việt.
35	ENP714	Tiếng Anh kinh doanh 1 / Business English 1	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm môn học chuyên ngành, bao gồm 4 chương nội dung. Môn học được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên các thuật ngữ Tiếng Anh sử dụng trong lĩnh vực thương mại. Sinh viên có cơ hội tiếp cận với các kiến thức và bài đọc trích từ các tài liệu liên quan đến lĩnh vực kinh tế, thương mại, kinh doanh, quản lý, từ đó sinh viên được thực hành 4 kỹ năng ngôn ngữ, vận dụng các kiến thức và từ vựng chuyên ngành thông qua các đa dạng hoạt động như thảo luận nhóm, đối thoại, thuyết trình.
36	ENP716	Tiếng Anh kinh doanh 2 / Business English 2	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm môn học chuyên ngành, bao gồm 4 chương nội dung. Môn học được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên các thuật ngữ Tiếng Anh sử dụng trong lĩnh vực thương mại liên quan đến các chủ đề hiện đại của 2 lĩnh vực quản trị và tài chính. Sinh viên có cơ hội tiếp cận với các kiến thức nền tảng của 2 lĩnh vực này, từ đó sinh viên được thực hành 4 kỹ năng ngôn ngữ chuyên sâu, vận dụng các kiến thức và từ vựng chuyên ngành thông qua các đa dạng hoạt động như thảo luận nhóm, đối thoại, thuyết trình để giải quyết các tình huống thực tế.
37	ENB305	Phiên dịch thương mại / Business Interpretation	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm môn chuyên ngành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, bao gồm 05 chương nội dung. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về ngành phiên dịch (dịch nói), bao gồm các loại hình phiên dịch phổ biến cùng những nguyên tắc và kỹ thuật phiên dịch căn bản. Sinh viên có nhiều cơ hội luyện tập sử dụng ngôn ngữ trong lĩnh vực kinh tế - thương mại, chọn lọc và xử lý ngôn từ trong các tình huống phiên dịch cụ thể bằng Tiếng Anh và tiếng Việt.
38	MER701	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Ngôn	Đây là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong CTĐT. Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nghiên cứu

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt / Tiếng Anh)	Mô tả
		ngữ / <i>Research Methods in Language Studies</i>	khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ. Nội dung trọng tâm của học phần bao gồm cách xác định vấn đề nghiên cứu, chọn phương pháp nghiên cứu, thu thập và phân tích dữ liệu trả lời câu hỏi nghiên cứu, cách viết đề cương nghiên cứu, cách viết một bài báo cáo nghiên cứu sơ bộ về một đề tài trong lĩnh vực ngôn ngữ hoặc liên quan đến ngôn ngữ theo mẫu và hình thức qui định. Học xong môn học này, sinh viên có thể vận dụng kỹ năng nghiên cứu để viết báo cáo thực tập tốt nghiệp, luận văn tốt nghiệp, bài báo khoa học, hoặc thực hiện một đề tài nghiên cứu độc lập phù hợp với khả năng.
39	INT307	Thực tập cuối khóa/ <i>Internship</i>	Đây là học phần bắt buộc trong một chương trình đào tạo. Học phần này tạo điều kiện cho sinh viên khảo sát, nghiên cứu, thực hành các hoạt động thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh tế, kinh doanh, thương mại tại các tổ chức tài chính hoặc phi tài chính có sử dụng tiếng Anh. Thông qua học phần này, sinh viên ứng dụng kiến thức kinh tế, kiến thức và kỹ năng tiếng Anh thương mại đã được học vào thực hiện công việc, nhiệm vụ cụ thể. Ngoài ra, sinh viên cũng có cơ hội bổ sung kiến thức, và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cần thiết tại môi trường làm việc thực tế.
40a	REP307	Khóa luận tốt nghiệp/ <i>Graduation Thesis</i>	Đây là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh. Qua học phần này, sinh viên có cơ hội rèn luyện được nhiều kỹ năng như tư duy phản biện; tìm kiếm, thu thập và chọn lọc thông tin; nghiên cứu độc lập; phân tích và tổng hợp dữ liệu, trình bày thông tin và viết báo cáo. Sinh viên có thể đăng ký thực hiện một đề tài thuộc ngành Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Tiếng Anh Thương mại dưới sự hướng dẫn của một giảng viên của Khoa.
Học phần tự chọn thay thế Khóa luận tốt nghiệp			
40b	ENP312		Đây là môn học chuyên ngành thuộc nhóm môn thay thế tốt nghiệp, bao gồm 4 chương nội dung. Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt / Tiếng Anh)	Mô tả
		Tiếng Anh chuyên ngành Luật kinh doanh / English for Business Law	viên từ vựng, thuật ngữ, khái niệm Tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực luật kinh doanh. Sinh viên cũng có cơ hội đọc các bài đọc có nội dung về các đạo luật, nguyên tắc, quy định có hiệu lực trong kinh doanh. Môn học còn tạo điều kiện cho sinh viên được thực hành các kỹ năng ngôn ngữ, vận dụng các kiến thức, từ vựng được cung cấp từ sách giáo khoa vào các tình huống pháp lý giả định.
40c	ENP313	Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý nhân sự / English for Human Resources	Đây là môn học chuyên ngành thuộc nhóm môn thay thế tốt nghiệp, bao gồm 4 chương nội dung. Môn học được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên cơ hội tiếp nhận kiến thức về quản lý nhân sự và vận dụng vào các tình huống giả định. Những nội dung của môn học bao gồm kỹ năng phỏng vấn, kỹ năng hướng dẫn/ đào tạo nhân sự mới, các quy trình tuyển dụng, đánh giá hiệu quả công việc của nhân sự.
40d	ENP320	Tiếng Anh chuyên ngành Marketing / English for Marketing	Đây là môn học chuyên ngành thuộc nhóm môn thay thế tốt nghiệp, bao gồm 4 chương nội dung. Môn học được thiết kế nhằm cung cấp từ vựng, khái niệm trong ngữ cảnh của Marketing. Sinh viên có cơ hội tiếp cận với các kiến thức nền tảng của lĩnh vực này, từ đó sinh viên được thực hành, vận dụng các kiến thức và từ vựng chuyên ngành thông qua các hoạt động đa dạng như thảo luận nhóm, đối thoại, thuyết trình để giải quyết các tình huống thực tế.
Học phần tự chọn (chọn 1 trong 2 nhóm định hướng)			
41a	ENP721	Dẫn luận văn học Anh - Mỹ / Introduction to British and American Literature	Đây là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh. Môn học được thiết kế gồm 08 chương nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn học Anh và văn học Mỹ, bao gồm bối cảnh xã hội, trào lưu văn học, đặc điểm văn học, tác giả và tác phẩm tiêu biểu ở một số thời kì chính. Ngoài ra, sinh viên cũng được hướng dẫn cách phân tích một tác phẩm văn học thông qua việc xem xét các yếu tố liên quan đến tác phẩm. Sinh viên cũng được tạo cơ hội để vận dụng những kiến thức đã học để phân

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt / Tiếng Anh)	Mô tả
			tích tác phẩm thông qua các hoạt động học tập trên lớp, các bài tập cá nhân, thảo luận và thuyết trình nhóm.
42a	ENP175	Giao tiếp liên văn hóa trong kinh doanh / <i>Cross-cultural Communication in Business</i>	Đây là môn học tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, bao gồm 05 chương nội dung. Môn học giới thiệu đến người học những giá trị văn hóa đối lập và những khác biệt trong giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trong giao tiếp kinh doanh giữa các nước trên thế giới, giúp sinh viên có kiến thức và khả năng vận dụng kiến thức về văn hóa, sự khác biệt về văn hóa trong giao tiếp ở môi trường kinh doanh quốc tế để giao tiếp có hiệu quả bằng tiếng Anh trong môi trường kinh doanh đa văn hóa khi tham gia vào thị trường lao động.
41b	EME701	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1/ <i>English Language Teaching 1</i>	Đây là môn học thuộc khối kiến thức tự chọn chuyên ngành, bao gồm 9 chương nội dung. Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên có cách nhìn tổng quan – trực quan hiểu biết về các nền tảng lý thuyết căn bản của giảng dạy tiếng Anh; đồng thời nắm được bản chất của các phương pháp giảng dạy, các cách tiếp cận trong giảng dạy tiếng Anh đương đại. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên phân tích, so sánh, đánh giá và vận dụng các nguyên lý, hoạt động thích hợp để giải quyết các vấn đề, hoàn thành các yêu cầu giảng dạy trong các tình huống sư phạm cụ thể thường gặp.
42b	EME702	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2/ <i>English Language Teaching 2</i>	Đây là môn học thuộc khối kiến thức tự chọn chuyên ngành, bao gồm 9 chương nội dung. Môn học được thiết kế nhằm hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên có cách nhìn tổng quan – trực quan hiểu biết về các phương pháp giảng dạy tiếng Anh ở ba phạm trù ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, phát âm) và bốn kỹ năng chính (Nghe – Nói – Đọc – Viết); đồng thời hiểu rõ được bản chất của các hoạt động lên lớp trong giảng dạy tiếng Anh đương đại. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên thực hành giảng dạy trên lớp, vận dụng được các kỹ thuật công nghệ thông tin để

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt / Tiếng Anh)	Mô tả
			hoàn thành các yêu cầu giảng dạy trong các tình huống sư phạm cụ thể.

17. Hướng dẫn thực hiện

17.1. Dạy và học trực tuyến: Tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được giảng dạy trực tuyến..

17.2. Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng: Là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp (có chứng chỉ hoàn thành) không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

17.3. Chuẩn tin học đầu ra:

Sinh viên phải có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường cấp hoặc các chứng chỉ tin học khác tương đương theo thông báo của Trường. Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

- Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt theo từng năm học.

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đức Trung

**KHOA PHỤ TRÁCH CTĐT
PHÓ TRƯỞNG KHOA PHỤ TRÁCH**

Nguyễn Ngọc Phương Dung